

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Tên Công ty Quản lý quỹ:
Tên Ngân Hàng Giám Sát:
Kỳ báo cáo: Từ

Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Deutsche Bank AG, Chi nhánh Hồ Chí Minh
01/12/2015 Tới 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu VCBF (VCBF-BCF)			
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) đầu kỳ	81,451,489,220	88,906,431,062
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước (=II.1 + II.2), trong đó	2,263,245,138	(837,084,412)
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ	2,263,245,138	(837,084,412)
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (=III.1 - III.2)	5,517,614,216	(6,617,857,430)
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	5,556,686,542	347,884,542
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(39,072,326)	(6,965,741,972)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ cuối kỳ (= I + II + III)	89,232,348,574	81,451,489,220

Ngân Hàng Giám Sát

(Chữ ký)

Trần Đài Trang

Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG
Chi nhánh Tp. HCM

(Chữ ký)
Đặng Mạnh Hải

Giám Đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG
Chi nhánh Tp. HCM



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2016

(Chữ ký)
Nguyễn Trung Nam

Phó Tổng Giám Đốc

Công ty Quản lý Quỹ

Phụ Lục 31 - Mẫu Báo Cáo hoạt động vay, giao dịch mua bán lại của quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư 183 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VAY, GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI CỦA QUỸ

Tháng 12 Năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Công ty quản lý quỹ:

Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank

Địa chỉ:

Ngân hàng giám sát:

Ngân Hàng Deutsche Bank AG, Chi Nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ:

65 Lê Lợi, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động (nêu chi tiết theo mục tiêu và đối tác)	Đối tác	Mục tiêu/Tài sản đảm bảo	Kỳ hạn	Giá trị khoản vay hoặc khoản cho vay	Thời điểm giao dịch		Thời điểm báo cáo	
						Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ	Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ
1.1	Vay tiền								
	Không có								
I	Tỷ lệ tiền vay từ các hợp đồng/giá trị tài sản ròng								
1.2	Hợp đồng repo								
II	Tổng giá trị các hợp đồng Repo/giá trị tài sản ròng của quỹ								
A	Tổng giá trị các khoản vay/giá trị tài sản ròng của quỹ (=I+II)								
2.1	Cho vay chứng khoán								
	Không có								
I	Tổng giá trị các hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ								
2.2	Hợp đồng reverse repo								
	Không có								
II	Tổng giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ								
B	Tổng giá trị các khoản cho vay/giá trị tài sản ròng của quỹ (=I+II)								

Ngân Hàng Giám Sát



Trần Đài Trang

Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG

Chi nhánh Tp. HCM

Đặng Vũ Hoài Diệu

Giám Đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG

Chi nhánh Tp. HCM



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Trung Nam

Chủ Tổng Giám Đốc

Phụ Lục 34 - Mẫu Báo Cáo Định Kỳ về hoạt động đầu tư của Quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư 183 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
 2. Tên Ngân Hàng Giám Sát: Deutsche Bank AG, Chi Nhánh HCM
 3. Tên quỹ: Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu VCBF (VCBF-BCF)
 4. Ngày lập báo cáo: Từ 01/12/2015 Tới 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

I. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN CỦA QUỸ

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/ cùng kỳ năm trước (*)
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4,848,484,314	2,075,274,002	24.01
	Tiền	-	-	-
	Tiền gửi ngân hàng	2,848,484,314	2,075,274,002	323.28
	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	2,000,000,000	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	-
I.2	Các khoản đầu tư	85,046,039,200	80,028,333,400	156.85
	Cổ phiếu	85,046,039,200	80,028,333,400	156.85
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận	160,013,000	43,990,000	211.87
1	Cổ tức, trái tức được nhận	160,013,000	43,990,000	211.87
2	Trái tức được nhận	-	-	-
I.4	Lãi được nhận	566,666	-	0.04
I.5	Tiền bán chứng khoán nhờ thu	-	96,874,470	-
	Cổ phiếu	-	96,874,470	-
I.6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I.7	Các tài sản khác	-	-	-
I.8	Tổng tài sản	90,055,103,180	82,244,471,872	115.98
STT	Nợ phải trả	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/ cùng kỳ năm trước (*)
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	-	420,518,834	-
	Cổ phiếu	-	420,518,834	-
	Trái Phiếu	-	-	-
II.2	Các khoản phải trả khác	822,754,606	372,463,818	148.09
1	Phải trả phí phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ cho Đại lý phân phối	54,425,247	5,904,218	135.54
2	Phải trả phí phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ cho Cty QLQ	54,425,247	5,904,218	135.54
3	Phải trả thuế	1,161,760	1,122,688	281.03
4	Phải trả do việc mua lại chứng chỉ quỹ	-	-	-
5	Phải trả phí lưu ký	21,000,000	21,000,000	867.15
6	Phí quản trị quỹ	3,689,993	3,530,548	138.52
7	Phải trả phí quản lý quỹ	273,957,690	135,177,162	238.18
8	Phải trả Phí ngân hàng giám sát	23,100,000	23,100,000	867.15
9	Phí đại lý chuyển nhượng	4,344,669	4,295,499	163.10
10	Phải trả Phí môi giới	-	-	-
11	Phải trả Phí kiểm toán	110,000,000	100,708,178	275.00
12	Thù lao ban đại diện	27,000,000	17,902,176	103.69
13	Phải trả thuế thu nhập Lương Ban Đại Diện Quỹ	3,000,000	1,989,131	103.69
14	Chi phí Ban Đại Diện	-	-	-
15	Phải trả khác - hợp đồng repo	-	-	-
16	Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán	2,100,000	4,830,000	25.00
17	Lãi trả trước	-	-	-
28	Chi phí thanh lý tài sản	-	-	-
29	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	244,550,000	47,000,000	296.01
30	Doanh thu ghi nhận trước	-	-	-
31	Các khoản phải trả khác	-	-	-
32	Chi phí quản lý khác	-	-	-
33	Phải trả phí Báo Cáo Thường Niên	-	-	-
34	Phí quản lý thường niên cho SSC	-	-	-
II.3	Tổng nợ	822,754,606	792,982,652	113.92
	Tài sản ròng của quỹ (I.8-II.3)	89,232,348,574	81,451,489,220	123.99
	Tổng số đơn vị quỹ	7,494,314.89	7,023,279.77	100.50
	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	11,906.67	11,597.35	123.37

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I.	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	333,261,580	81,795,964	3,380,628,234
1	Cổ tức, trái tức được nhận	330,263,000	43,990,000	3,153,940,000
	Cổ tức được nhận	330,263,000	43,990,000	3,153,940,000
	Trái tức được nhận	-	-	-
2	Lãi được nhận	2,349,947	2,015,262	154,845,793
3	Các khoản thu nhập khác	648,633	35,790,702	71,842,441
II	Chi phí	221,259,242	223,558,576	2,503,769,183
1	Phí quản lý quỹ	138,780,528	135,177,162	1,486,221,445
2	Phí lưu ký, phí ngân hàng giám sát	47,173,778	49,940,216	583,668,821
2.1	Phí dịch vụ lưu ký	21,000,000	21,000,000	251,977,328
2.2	Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán	2,100,000	4,830,000	44,520,000
2.3	Phí giám sát	23,100,000	23,100,000	277,175,060
2.4	Phí lưu ký chứng khoán trả cho VSD	973,778	1,010,216	9,996,433
3	Phí quản trị quỹ, phí đại lý chuyển nhượng	8,161,712	7,878,022	88,391,144
3.1	Phí quản trị quỹ	3,689,993	3,530,548	39,104,206
3.2	Phí đại lý chuyển nhượng	4,471,719	4,347,474	49,286,938
4	Phí kiểm toán	9,291,822	8,992,093	110,000,000
5	Chi phí dịch vụ pháp lý, báo giá, thù lao trả ban đại diện quỹ	10,108,693	9,782,610	100,000,000
5.1	Thù lao ban đại diện	10,108,693	9,782,610	100,000,000
5.3	Phí cung cấp giá chứng khoán	-	-	-
6	Chi phí dự thảo, in ấn, báo cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản, tài liệu nhà đầu tư, chi phí tổ chức họp, ban đại diện quỹ;	-	-	17,062,417
6.1	Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	-	-	10,195,417
6.2	Chi phí báo cáo thường niên	-	-	-
6.3	Chi phí Ban Đại Diện	-	-	6,867,000
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản quỹ	4,328,943	8,884,473	60,050,850
8	Chi phí lãi vay	-	-	-
9	Các loại phí khác	3,413,766	2,904,000	58,374,506
9.1	Phí ngân hàng	1,103,766	594,000	7,887,306
9.2	Chi phí in ấn tài liệu	-	-	17,767,200
9.3	Phí giấy phép thành lập	-	-	-
9.4	Dịch vụ bưu chính	-	-	-
9.5	Phí quảng cáo	-	-	-
9.6	Dịch vụ quỹ mở - DBDI	2,310,000	2,310,000	27,720,000
9.7	Phí khác	-	-	-
9.8	Phí quản lý thường niên cho SSC	-	-	5,000,000
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	112,002,338	(141,762,612)	876,859,051
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	2,151,242,800	(695,321,800)	16,264,334,200
1	Lãi (lỗ) từ thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	(538,810)	1,863,318,328	3,618,487,366
2	Thay đổi giá trị các khoản đầu tư trong kỳ	2,151,781,610	(2,558,640,128)	12,645,846,834
V	Thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	2,263,245,138	(837,084,412)	17,141,193,251
VI	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	81,451,489,220	88,906,431,062	71,967,132,104
VII	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	7,780,859,354	(7,454,941,842)	17,265,216,470
	Trong đó			
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ	2,263,245,138	(837,084,412)	17,141,193,251
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-	-
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ	5,556,686,542	347,884,542	10,848,351,687
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại Chứng chỉ Quỹ	(39,072,326)	(6,965,741,972)	(10,724,328,468)
VIII	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	89,232,348,574	81,451,489,220	89,232,348,574

IV. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Các chỉ tiêu về hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý quỹ/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ(%)	1.94%	1.87%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, phí giám sát/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.66%	0.69%
3	Tỷ lệ phí quản trị quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác cho tổ chức cung cấp dịch vụ/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.11%	0.11%
4	Chi phí kiểm toán (phát sinh)/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.13%	0.12%
5	Chi phí dịch vụ pháp lý, báo giá, thù lao ban đại diện quỹ/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.14%	0.14%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	3.09%	3.10%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + Tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng trung bình(%)	20.14%	41.07%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	70,232,797,700	75,750,607,700
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	7,023,279.77	7,575,060.77
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
	số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	474,371.90	29,560.49
	Giá trị vốn thực huy động trong kỳ	4,743,719,000	295,604,900
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(3,336.78)	(581,341.49)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư	(33,367,800)	(5,813,414,900)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành	74,943,148,900	70,232,797,700
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	7,494,314.89	7,023,279.77
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người liên quan cuối kỳ	74.34%	79.35%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	83.70%	88.93%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	34.89%	37.22%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	252	216
8	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối tháng	11,906.67	11,597.35

Ngân Hàng Giám Sát

Trần Đài Trang

Trần Đài Trang
Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Trị Quỹ
Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG
Chi nhánh Tp. HCM

Đặng Vũ Hoài Diệu

Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám Đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán
Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG
Chi nhánh Tp. HCM



Nguyễn Trung Nam
Phó Tổng Giám Đốc

Công ty Quản lý Quỹ

